

Số: 18/2023/QĐST-LĐ

Việt Trì, ngày 23 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Hoa.

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thẩm tra viên tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 46/2023/TLST-VDS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: *Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 26/2023/QĐST-VDS ngày 17 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

ĐKHKTT tại: Khu 1x xã Ki, thành phố V, tỉnh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quốc T - Trưởng phòng cấp sổ thẻ (Có đơn xin vắng mặt)

2. Công ty TNHH S Việt Nam.

Địa chỉ: khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Cao C - Trưởng phòng nhân sự (Có đơn xin vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh T.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu ngày 20/10/2023 và bản tự khai ngày 13/11/2023 chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Tháng 6/2009, chị Nguyễn Thị H1 là em gái ruột chị Nguyễn Thị Thu H có lấy một bộ sơ yếu lý lịch của chị H để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S tại khu Công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chị H1 đã được công ty TNHH S ký hợp đồng lao động (ký bằng tên của chị - Nguyễn Thị Thu H) và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Chị H1 được cấp sổ sổ bảo hiểm 2509006xxx mang tên Nguyễn Thị Thu H. Chị H1 làm việc đến tháng 5/2010 thì thôi việc.

Thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 bản thân chị H đang làm việc tại công ty TNHH Y và cũng được công ty đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ bảo hiểm 250900xxxx.

Hiện nay chị H có hai sổ sổ bảo hiểm: sổ số 1: 250900 6xxx cấp tại Công ty TNHH S (do chị H1 đi làm tại đây). Sổ số 2: 250900xxxx cấp tại Công ty TNHH Y (do chị H trực tiếp làm tại đây) và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010.

Nay chị H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị Nguyễn Thị Thu H (do chị Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ ký tên) là vô hiệu, thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 của sổ bảo hiểm số 2509006xxx cấp tại Công ty TNHH S. Chị H nhất trí số tiền thoái thu theo sự tính toán của bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ và nhất trí trả số tiền này cho chị Nguyễn Thị H1.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH S trình bày tại bản tự khai ngày 15/11/2023:

Tháng 6/2009 Công ty TNHH S có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu 12 xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng lao động, công ty TNHH S đã đóng BHXH cho chị H theo quy định pháp luật. Đến tháng 5/2010 chị H thôi việc tại Công ty (Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động).

Nay chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết việc lao động, tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty và chị Nguyễn Thị Thu H là vô hiệu, thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 như theo chị H trình bày là có sự lừa dối, cụ thể: Chị Nguyễn Thị H1 là em gái chị H đã lấy 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Nguyễn Thị Thu H để xin việc tại Công ty TNHH S. Thời điểm chị H1 đi làm tại Công ty TNHH S dưới tên chị H thì chị H đang làm việc tại Công ty TNHH Y

Quan điểm của công ty TNHH S về yêu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Thu H như sau: Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị Nguyễn Thị Thu H (Do chị Nguyễn Thị H1 lấy hồ sơ ký) là vô hiệu theo quy định pháp luật, thoái thu bảo hiểm xã hội theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ, đảm bảo quyền lợi cho công ty cũng như các đương sự khác.

Hiện nay hồ sơ xin việc của Công nhân thời điểm năm 2007 - 2010 Công ty TNHH S không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án được.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ trình bày tại bản tự khai ngày 15/11/2023:

Qua quá trình rà soát bảo hiểm xã hội trên hệ thống, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ phát hiện trường hợp chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 ở khu 12, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có hai sổ sổ bảo hiểm xã hội, bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010, cụ thể như sau:

Số sổ 1: 2509006xxx được cấp tại Công ty TNHH S

Số sổ 2: 250900xxxxx được cấp tại Công ty TNHH Y

Tháng 6/2009 chị Nguyễn Thị H1 (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH S và tham gia Bảo hiểm xã hội theo sổ sổ 2509006xxx. Thời điểm đó bà Nguyễn Thị Thu H đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH Y theo sổ sổ 250900xxxxx.

Nay chị Nguyễn Thị Thu H trình bày là do thiếu hiểu biết nên đã cho chị H1 mượn hồ sơ để đi làm tại công ty TNHH S. Trong thời gian bà H1 làm việc dưới tên bà H tại Công ty TNHH S thì bà H đang làm việc tại Công ty TNHH Y, vì vậy người ký hợp đồng với công ty TNHH S và làm việc tại đây là chị H1.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động sẽ gửi hồ sơ, danh sách đóng BHXH của Công ty đến Cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH cho người lao động, điều này dẫn đến việc chị H có hai sổ sổ bảo hiểm xã hội và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại hai nơi làm việc khác nhau.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H như sau:

Nhất trí với yêu cầu giải quyết việc dân sự, nhất trí thoái thu thời gian tham gia bảo hiểm của mã số sổ bảo hiểm 2509006xxx mang tên Nguyễn Thị Thu H từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 tại Công ty TNHH S, số tiền là 2.349.480 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2023 trình bày:

Chị là em gái ruột chị Nguyễn Thị Thu H, tháng 6/2009 chị đã lấy một hồ sơ sơ yếu lý lịch của chị H để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S (Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Chị được Công ty TNHH S ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Chị được cấp sổ sổ bảo hiểm 2509006xxx (mang tên chị Nguyễn Thị Thu H). Chị làm việc tại Công ty TNHH S dưới tên chị H đến hết tháng 5/2010 thì thôi việc.

Trong thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 bản thân chị H đang làm việc tại Công ty TNHH Y, chị H được công ty TNHH Y đóng bảo hiểm xã hội, chị H có sổ sổ bảo hiểm 250900xxxx.

Hiện nay chị H có hai sổ sổ bảo hiểm 2509006xxx cấp tại Công ty TNHH S (do chị đi làm bằng tên chị H) và 250900xxxx do chị H đi làm được cấp tại Công ty TNHH Y, bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010.

Chị hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị H (do chị mượn hồ sơ ký) là vô hiệu, thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 của sổ sổ bảo hiểm 2509006xxx cấp tại Công ty TNHH S. Chị nhất trí với số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ.

* Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 149; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6; Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ Luật lao động năm 2019;

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H. Đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị Thu H và Công ty TNHH S (Do chị Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ) là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và thoái thu bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Tháng 6/2009, người lao động và Công ty TNHH S đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty TNHH S tại Lô số 10 khu công nghiệp Thuy Vân, xã Thuy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị Thu H và Công ty TNHH S (Do chị Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ) là vô hiệu, xét thấy: Việc chị Nguyễn Thị H1 lấy hồ sơ tên chị Nguyễn Thị Thu H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là giả mạo khi giao kết hợp đồng, nên đề nghị của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau đó, Công ty TNHH S đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 (mượn tên chị H) dẫn đến có thời gian đóng trùng của 02 sổ bảo hiểm, vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội theo tính toán của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ số tiền là 2.349.480 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng), trả lại cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị H1 là phù hợp.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 149; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6; Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ Luật lao động năm 2019;

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H.

Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S với người lao động chị Nguyễn Thị Thu H ký tháng 6/2009 (do chị Nguyễn Thị H1 mượn hồ sơ để ký) là vô hiệu toàn bộ.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2010 của

sổ bảo hiểm số 2509006xxx, cấp tại Công ty TNHH S. Số tiền thoái thu căn cứ theo sự tính toán Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ là 2.349.480 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng), trả lại cho chị Nguyễn Thị H1

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0005643 ngày 01/11/2023. tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSNS thành phố Việt Trì;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Hoa